TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2024
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

* **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Phan Thị Ngọc Huyền - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên**: Bà Diệp Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2024, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 370/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXX- ST ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Đàm Thị Hồng N, sinh năm 1986**. Có mặt

HKTT và nơi ở: Xóm TS1, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1986**. Vắng mặt lần hai

HKTT và nơi ở: Xóm C, xã TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Đàm Thị Hồng N trình bày*:** Chị và anh Nguyễn Tuấn H kết hôn năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn anh chị xây nhà sống cạnh nhà bố mẹ đẻ chị tại xóm Thái Sơn 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và đã có hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 04/10/2010 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 01/7/2014. Đến năm 2023 thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H chơi bời, không quan tâm vợ con, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không thay đổi. Anh chị ly thân từ tháng 05/2024 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 04/10/2010 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 01/7/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn H tại bản tự khai đề ngày 12/7/2024 và phiên hòa giải ngày 22/7/2024 trình bày: Anh công nhận lời khai của Chị N về thời gian kết hôn là đúng. Anh H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Còn trong trường hợp Chị N nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, anh H khai vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 04/10/2010 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 01/7/2014. Nếu chị N nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Vợ chồng anh không có công nợ chung, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Sau khi khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt lần hai. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, Chị N giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương L và Nguyễn Minh A và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đàm Thị Hồng N, cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H. Về con chung: giao hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 04/10/2010 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 01/7/2014 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng do các bên không yêu cầu. Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết. Buộc chị N nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đàm Thị Hồng N và anh Nguyễn Tuấn H là hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị N xác định không còn tình cảm với anh H mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng và đề nghị được ly hôn. Anh H mặc dù không mong muốn ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải lần hai và trong các phiên xét xử. Tại phiên tòa, Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn với anh H và không đồng ý đoàn tụ. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N và anh H đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Chị N đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Đàm Thị Hồng N và anh Nguyễn Tuấn H có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 04/10/2010 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 01/7/2014. Hội đồng xét xử thấy, Chị N có nguyện vọng nuôi con chung là cháu L và Minh A và không đề nghị anh H cấp dưỡng.Tại phiên tòa chị N khai thu nhập hàng tháng của chị là 10.000.000 đồng đủ để chăm sóc cho con. Anh H trong bản tự khai, phiên hòa giải cũng có ý kiến thì đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con nếu vợ chồng ly hôn. Cháu L và Minh A trong bản trình bày nguyện vọng ngày 05/7/2024 đều khai có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên ghi nhận, giao cháu L và Minh A cho chị N trực nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do chị N không yêu cầu.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

5. Về án phí: Chị N phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đàm Thị Hồng N. Cho chị Đàm Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H.

2. **Về con chung:** Giao hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 04/10/2010 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 01/7/2014 cho Chị N trực nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do Chị N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

4. Án phí: Chị Đàm Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002983 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi NĐ, BĐ cư trú;
- Các ĐS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân